

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST

Ngày 19-03-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Ông Hoàng Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thùy D; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Trung, phường Nam Triệu Giang, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Quyết Tâm, phường Minh Đức, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T; nơi cư trú: Tổ dân phố Trung, phường Nam Triệu Giang, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Thủy Nguyên; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thuỳ D trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Quang T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phục Lễ nay là phường Nam Triệu Giang, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 23 tháng 3 năm 2020. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T mãi chơi, thiếu quan tâm chăm sóc gia đình. Chị D đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng ngày càng căng thẳng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Đến tháng 11 năm 2024 anh T bị bắt tạm giam về hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quang T. Chị và anh Nguyễn Quang T có 01 con chung là Nguyễn Vũ Phương T, sinh ngày 01/01/2019. Khi ly hôn chị D xin được trực tiếp nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/02/2025 bị đơn anh Nguyễn Quang T trình bày:

Anh và chị Vũ Thuỳ D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phục Lễ (nay là phường Nam Triệu Giang) ngày 23/3/2020. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hoà hợp, anh thừa nhận có mãi chơi, thiếu quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn nên anh và chị Vũ Thuỳ D đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tháng 11/2024 anh bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, hiện anh T đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Thủy Nguyên. Nay chị D có yêu cầu ly hôn, anh T thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị Vũ Thuỳ D. Anh và chị D có 01 con chung là Nguyễn Vũ Phương T, sinh ngày 01/01/2019. Khi ly hôn anh T đồng ý để chị D trực tiếp nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh và chị D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã T hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét

xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thuỳ D và anh Nguyễn Quang T. Giao con chung tên Nguyễn Vũ Phương T, sinh ngày 01/01/2019 cho chị Vũ Thuỳ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Vũ Thuỳ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh của con; giấy xác nhận thông tin cư trú; Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của anh Nguyễn Quang T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Quang T đang bị tạm giam nhưng có nơi cư trú tại xã Phục Lễ nay là phường Nam Triệu Giang, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Quang T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Quang T.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thuỳ D và anh Nguyễn Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T mãi chơi, thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, chị D đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau và đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Chị D có yêu cầu xin ly hôn, anh T thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm và đồng ý ly hôn chị D. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thuỳ D và anh Nguyễn Quang T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51;

khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Vũ Thuỳ D được ly hôn anh Nguyễn Quang T.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thuỳ D và anh Nguyễn Quang T có 01 con chung là Nguyễn Vũ Phương T, sinh ngày 01/01/2019. Khi ly hôn chị D xin được trực tiếp nuôi con chung. Xét con chung hiện đang ăn ở ổn định cùng chị D và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, anh T đồng ý để chị D trực tiếp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Vũ Phương T, sinh ngày 01/01/2019 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với các quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vũ Thuỳ D và anh Nguyễn Quang T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Vũ Thuỳ D và anh Nguyễn Quang T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vũ Thuỳ D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thuỳ D và anh Nguyễn Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Vũ Phương T, sinh ngày 01/01/2019 cho chị Vũ Thuỳ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vũ Thuỳ D và anh Nguyễn Quang T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung: Chị Vũ Thuỳ D và anh Nguyễn Quang T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thuỳ D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010303 ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên. Chị Vũ Thuỳ D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thuỳ D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quang T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thủy Nguyên;
- UBND phường Nam Triệu Giang, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 23/3/2020);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

